



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khử trùng Việt Nam

Ngày 30/09/2025	57,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.7%	-	-

DT thuần Q3/25
711
tỷ VNĐ
QoQ: ▼89.0 -11.2%
YoY: ▼174 -19.7%

LN thuần Q3/25
88.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲0.30 0.4%
YoY: ▼116 -56.8%

LN sau thuế Q3/25
65.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.80 -6.8%
YoY: ▼129 -66.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
12.5%
YoY: +/-▲ 1.2%

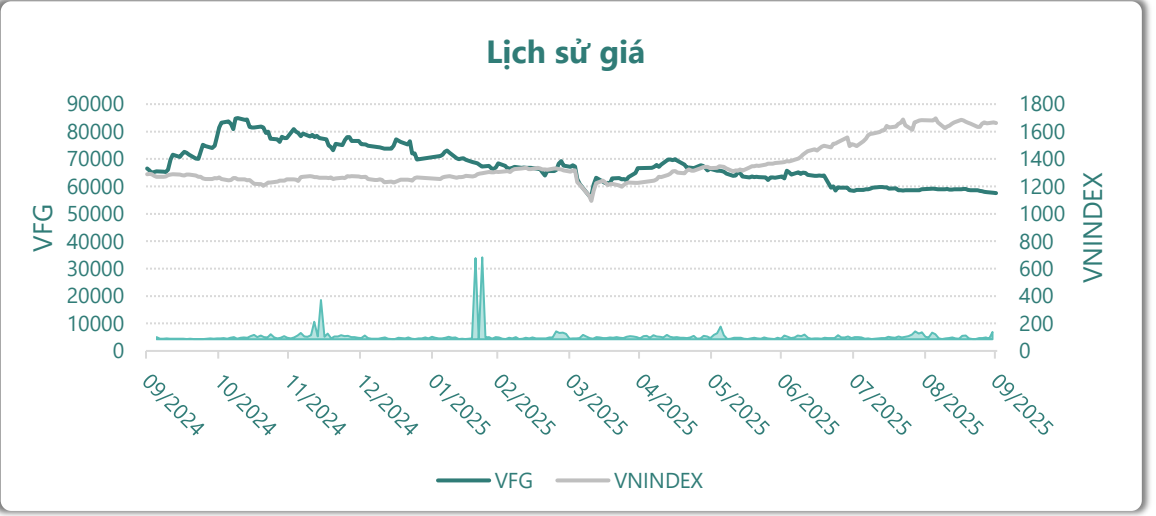
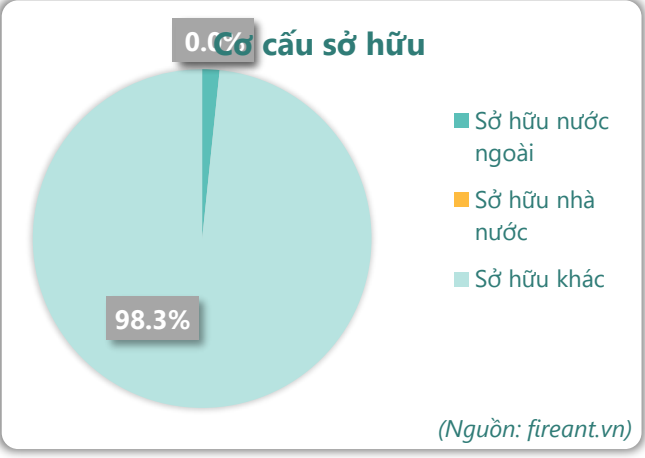
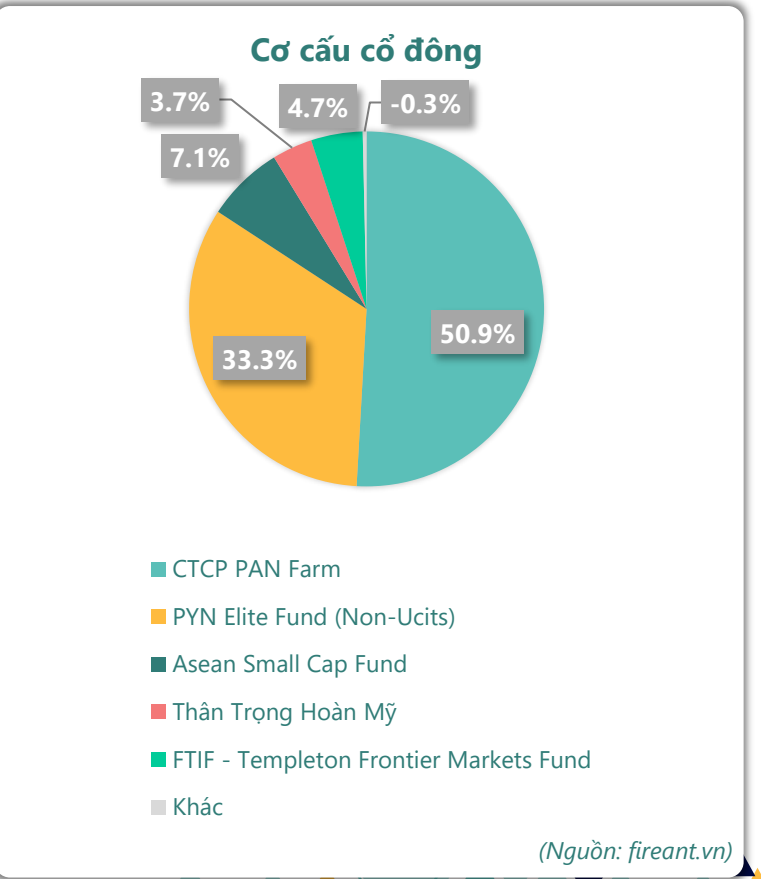
ROE (TTM) Q3/25
22.2%
YoY: +/-▼ 10.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	56,597 - 84,915
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,403
Số lượng CPLH (CP)	41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,140
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.63
EPS	8,224
P/E	7.0

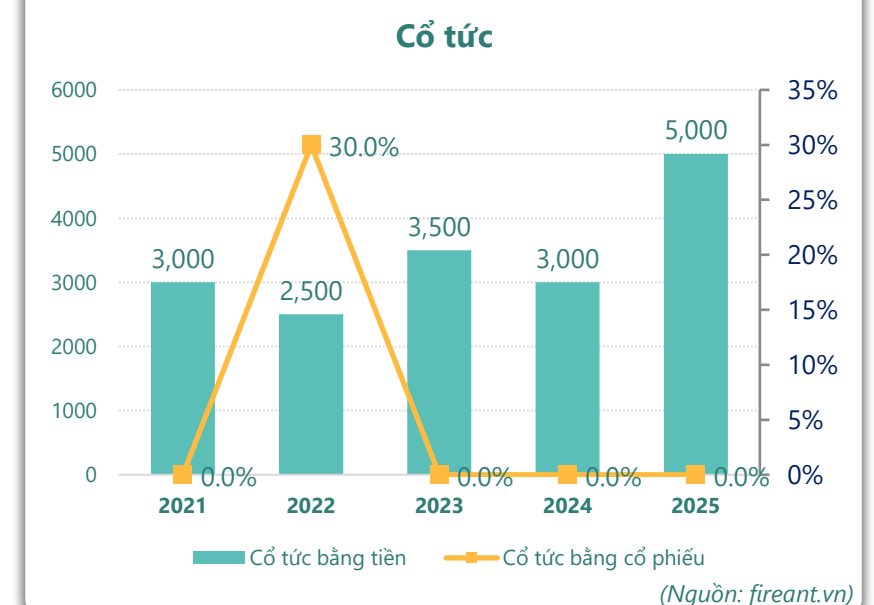
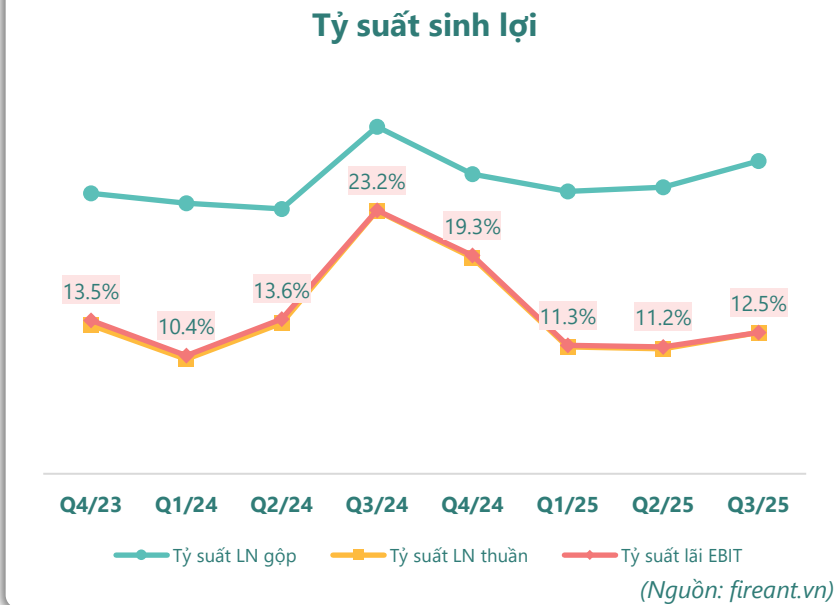
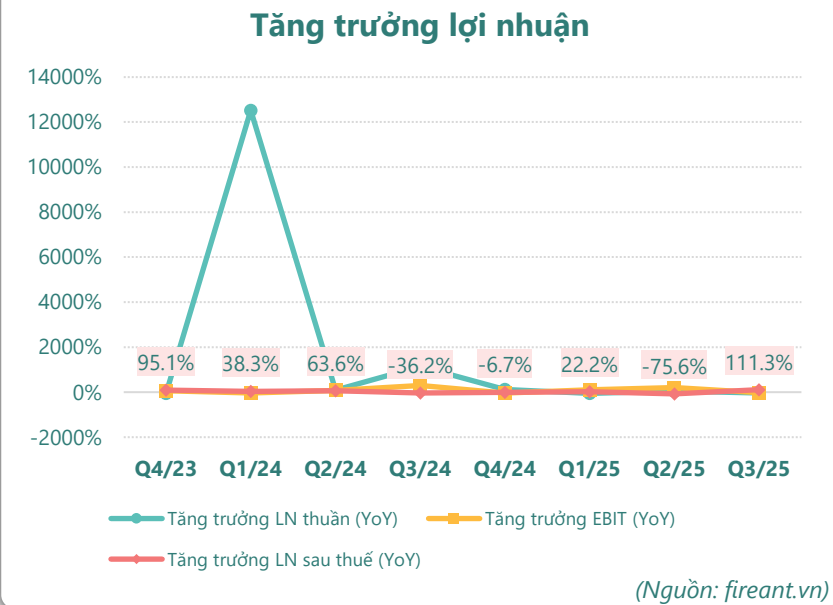
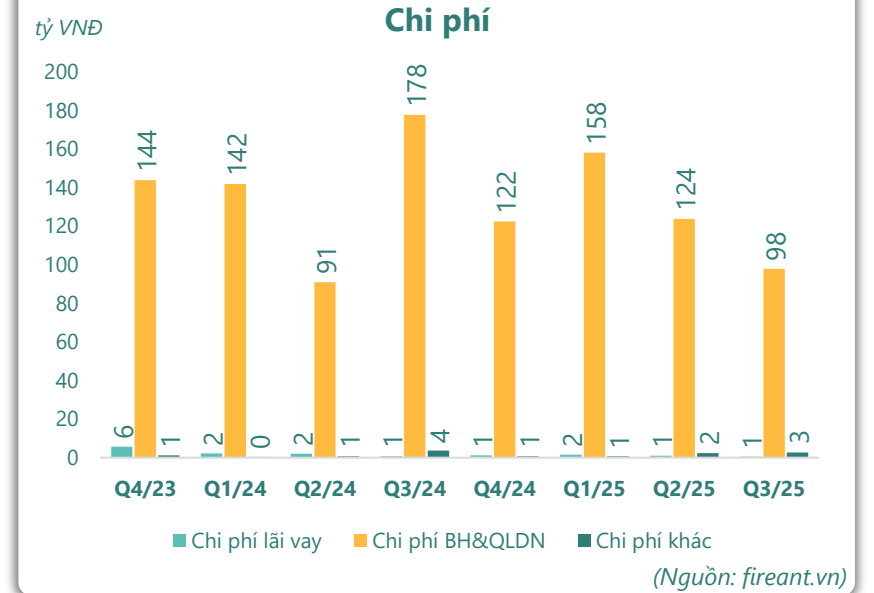
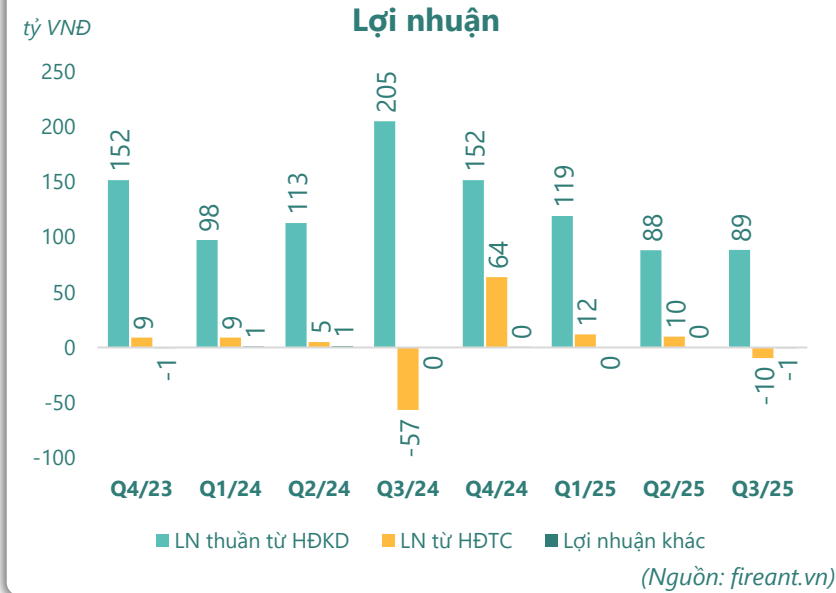
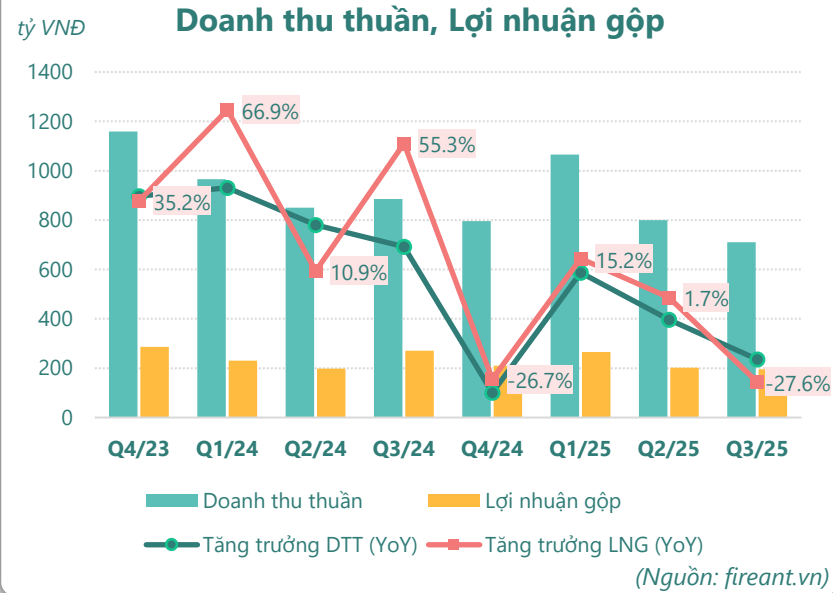
DT thuần 9T 2025
2,576
tỷ VNĐ
YoY: ▼126 -4.7%

LN thuần 9T 2025
296
tỷ VNĐ
YoY: ▼120 -28.8%

LN sau thuế 9T 2025
231
tỷ VNĐ
YoY: ▼123 -34.8%



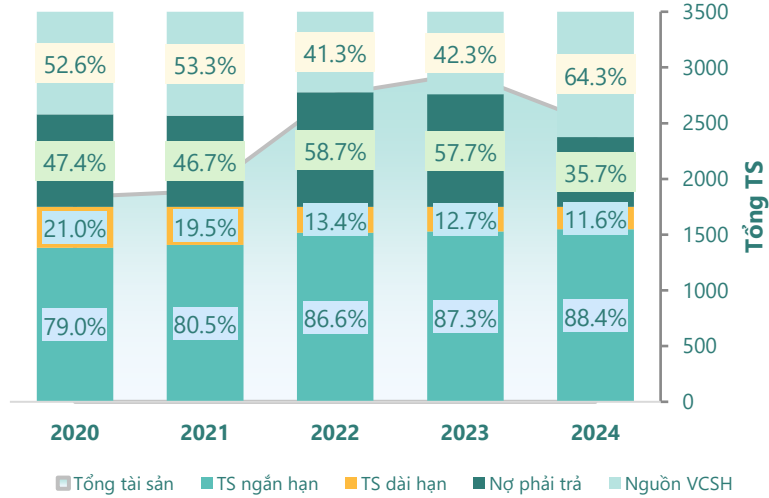
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

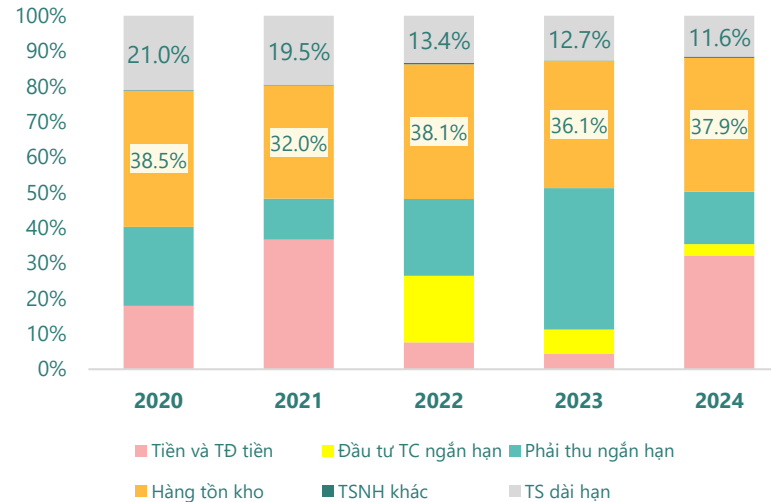
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

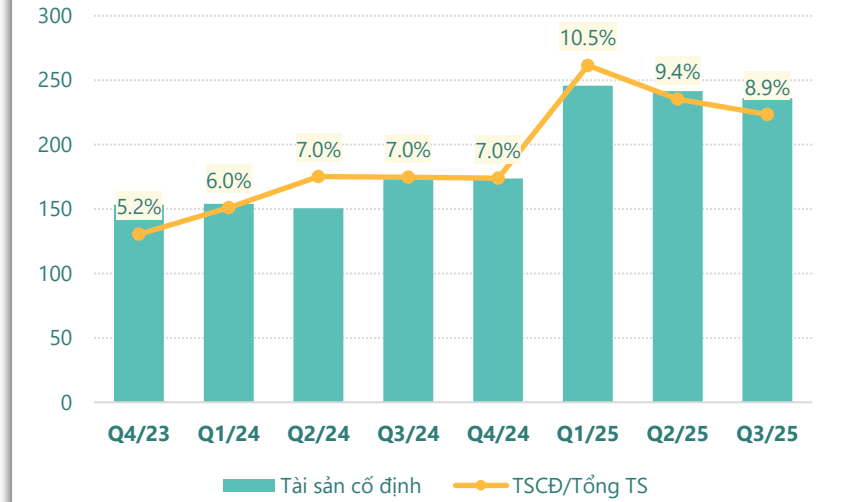
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

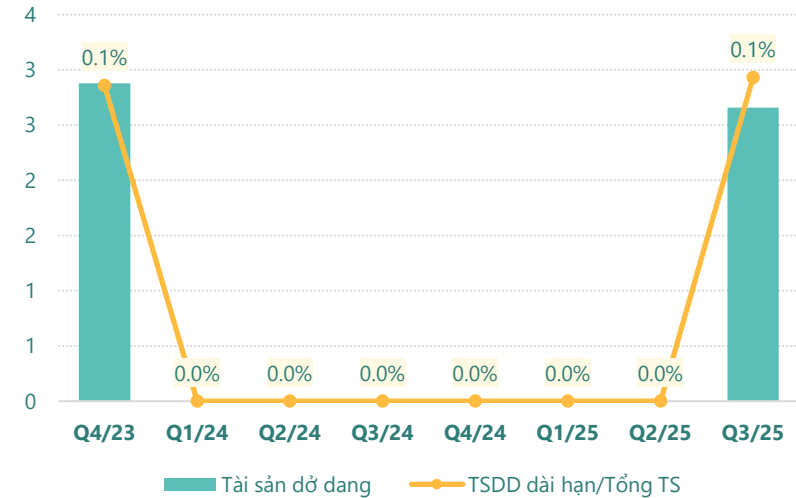
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

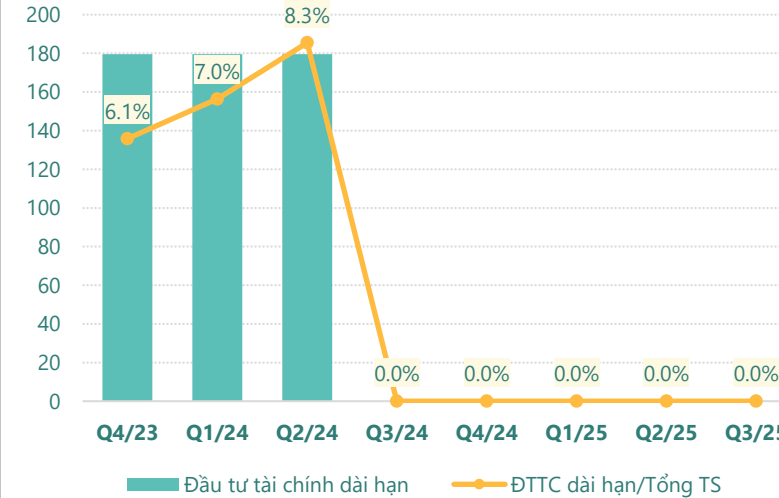
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

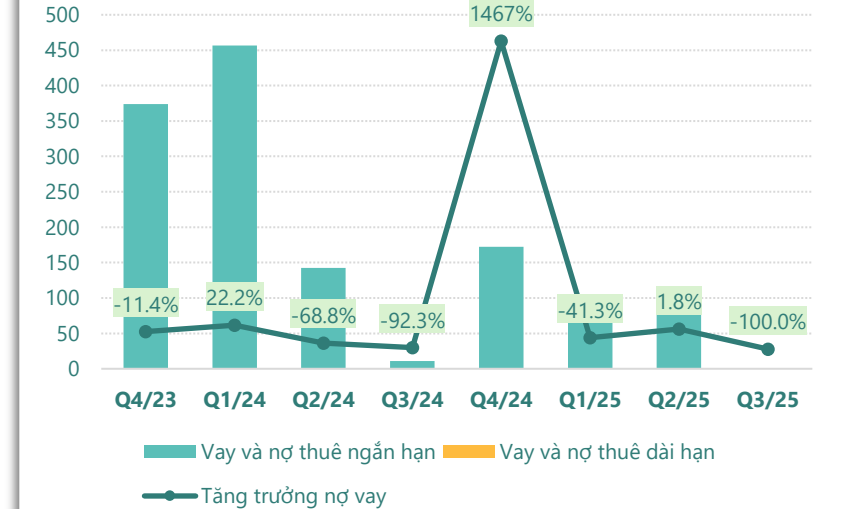
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

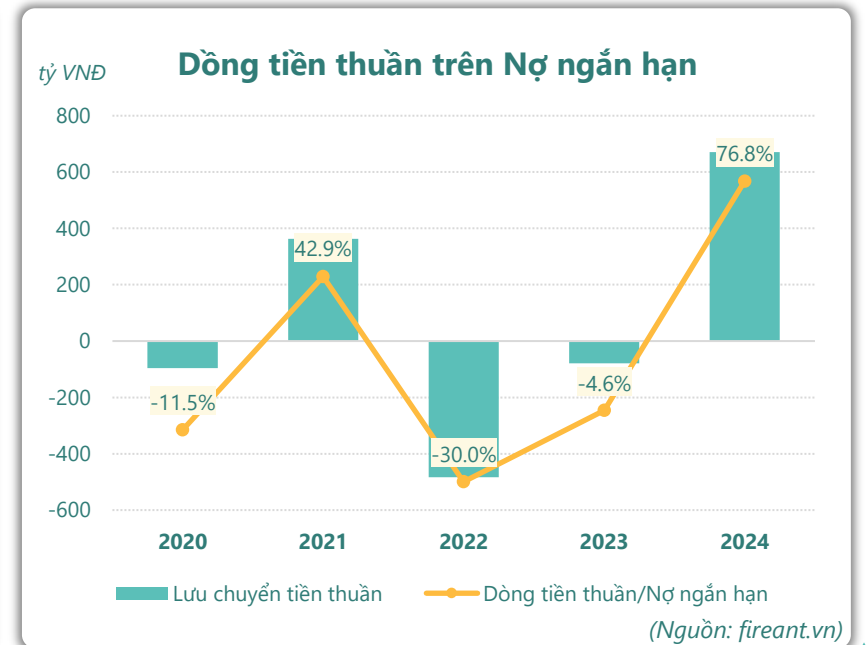
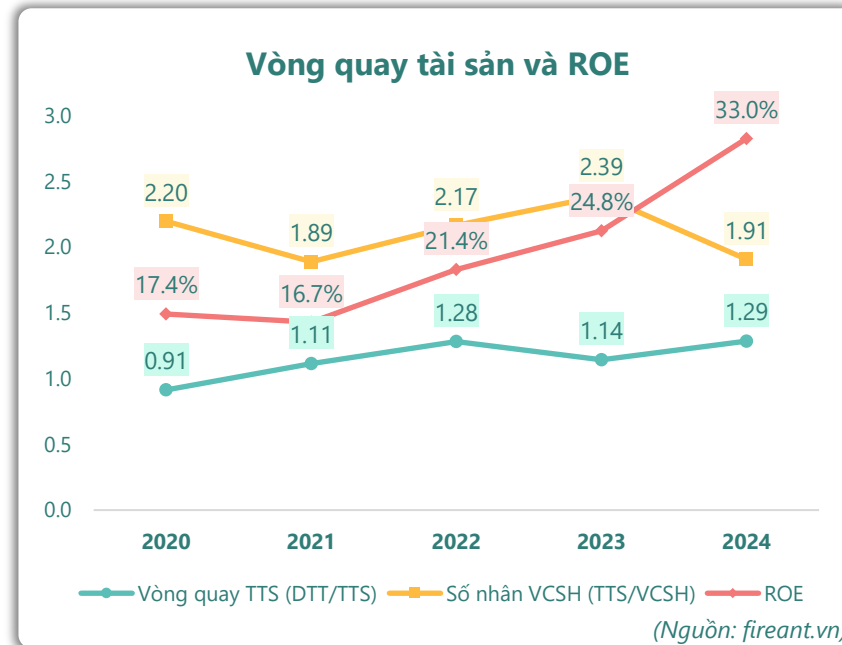
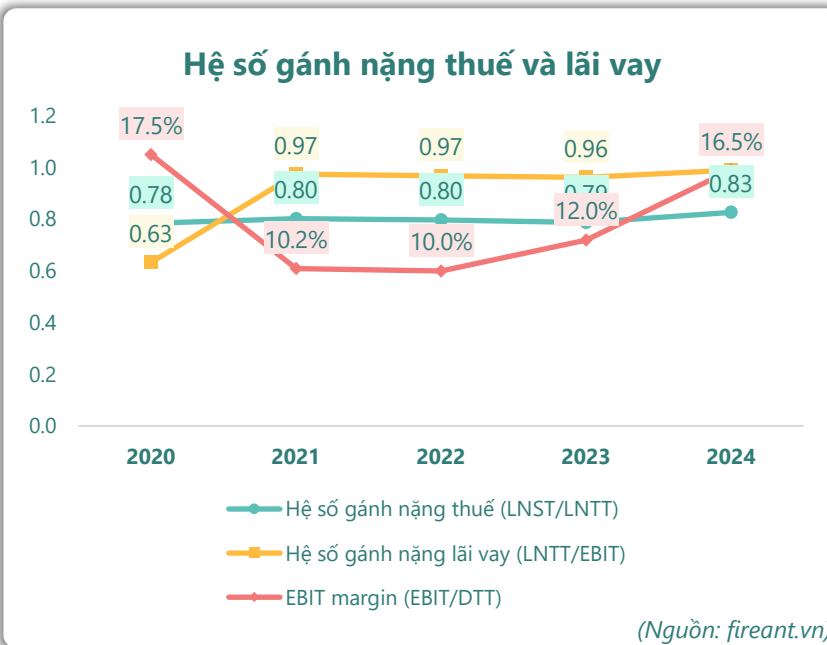
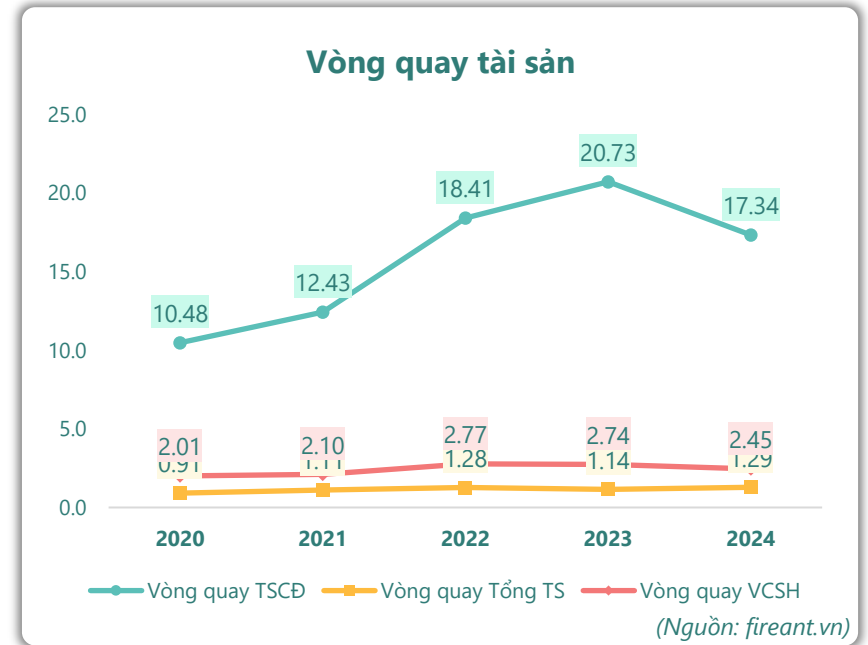
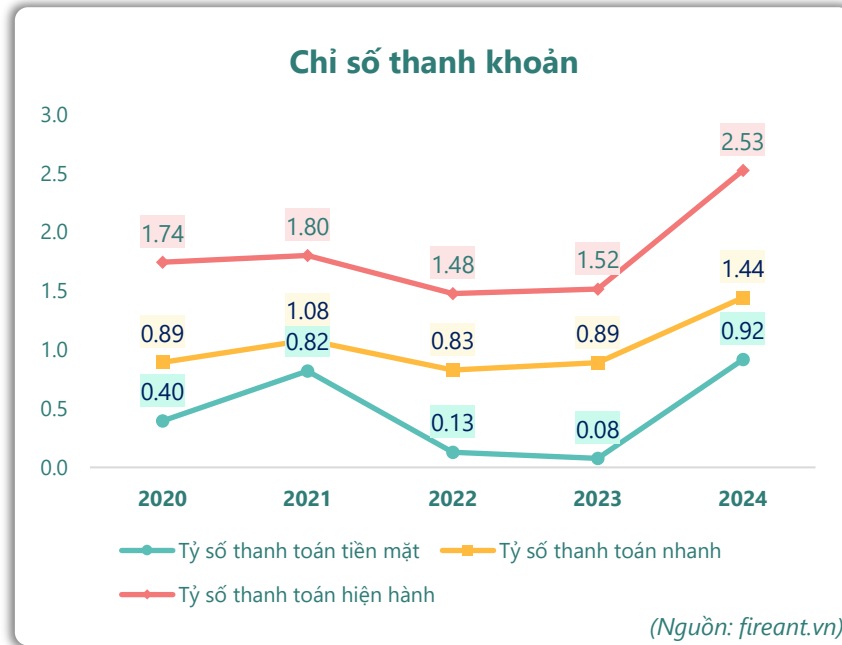
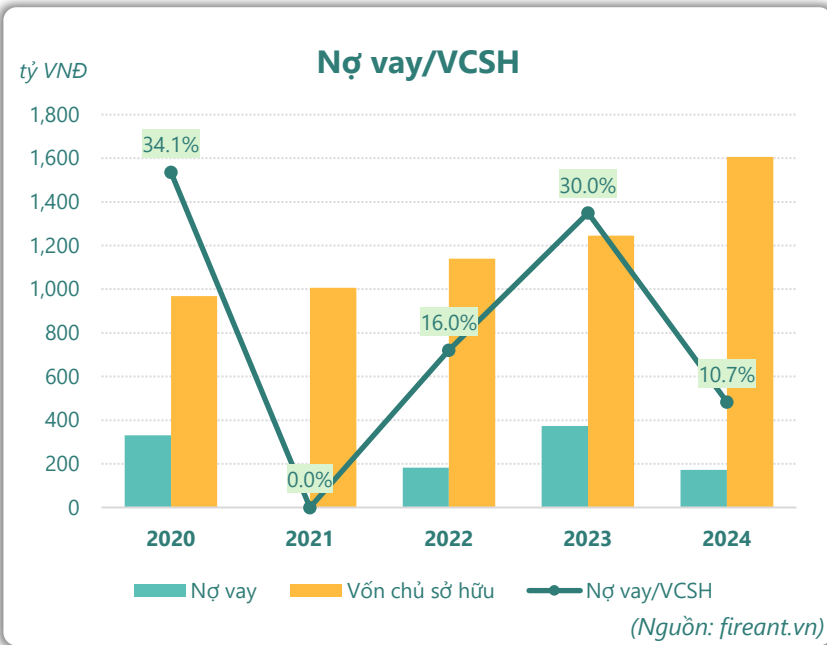
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	711	885	-19.7%	2,576	2,702	-4.7%
Giá vốn hàng bán	514	614	-16.2%	1,912	2,001	-4.5%
Lợi nhuận gộp	196	271	-27.6%	664	701	-5.2%
Doanh thu HĐTC	13.2	20.4	-35.2%	50.9	55.4	-8.1%
Chi phí TC	22.8	77.1	-70.4%	38.8	98.1	-60.5%
Chi phí lãi vay	0.58	0.76	-24.1%	3.09	4.96	-37.7%
LN trong công ty LKLD	0	169	-100%	0	169	-100%
Chi phí bán hàng	75.1	166	-54.8%	300	359	-16.4%
Chi phí QLDN	22.9	12.1	89.0%	80.0	51.9	54.3%
LN thuần từ HĐKD	88.6	205	-56.8%	296	416	-28.8%
Lợi nhuận khác	-0.73	-0.32	-127%	-0.47	1.66	-128%
LN trước thuế	87.9	205	-57.1%	296	418	-29.2%
Lợi nhuận sau thuế	65.5	194	-66.2%	231	354	-34.8%
LNST của CĐ cty mẹ	64.0	194	-67.0%	228	354	-35.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	58.7	288	42.9	-452	472	331
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.6	70.2	611	-182	-158	-153
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-355	-173	-69.9	-71.2	-167	-152
Tiền đầu kỳ	303	30.6	216	801	95.9	243
Lưu chuyển tiền thuần	-272	186	584	-705	147	25.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	-0.01	0.02	0.01	0.00	0.02
Tiền cuối kỳ	30.6	216	801	95.9	243	268

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,644	2,496	5.9%
Tài sản ngắn hạn	2,380	2,207	7.8%
Tiền và tương đương tiền	268	801	-66.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.8	83.3	3.0%
Phải thu ngắn hạn	748	369	103%
Hàng tồn kho	1,273	946	34.6%
Tài sản ngắn hạn khác	4.65	8.10	-42.6%
Tài sản dài hạn	264	289	-8.6%
Phải thu dài hạn	2.62	2.00	30.8%
Tài sản cố định	236	250	-5.6%
Bất động sản đầu tư	13.5	14.1	-4.0%
Tài sản dở dang	2.66	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.00	22.6	-60.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,034	890	16.2%
Nợ ngắn hạn	1,018	874	16.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	172	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	601	121	397%
Nợ dài hạn	16.1	16.3	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,610	1,606	0.2%
Vốn chủ sở hữu	1,610	1,606	0.2%
Vốn điều lệ	417	417	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

